

Thời gian: 17h45 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120257265	39B01	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/03/1996	Đà Nẵng	ITA.39B		6,3	Sau Ba	
2	2121217950	39B02	Nguyễn Thành	Công	10/01/1997	TT Huế	ITA.39B		8,0	Tam Y	
3	2121219009	39B03	Nguyễn Tiến	Diễn	12/01/1996	Quảng Bình	ITA.39B		7,7	Ráy Bay	
4	2120713712	39B04	Cao Thị Kim	Dung	15/01/1997	Đà Nẵng	ITA.39B		6,0	Sau Y	
5	2121117319	39B05	Văn Lê Viết	Duy	28/05/1997	Đà Nẵng	ITA.39B		8,3	Tam Ba	
6	2120316799	39B06	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/05/1995	Quảng Nam	ITA.39B				Cấm thi
7	2120253809	39B07	Trần Hương	Giang	27/04/1997	Đà Nẵng	ITA.39B		8,7	Tam Ráy	
8	2120259696	39B08	Trần Thị Trà	Giang	25/09/1997	Quảng Bình	ITA.39B		7,0	Ráy Y	
9	2120713605	39B09	Phạm Thị Thanh	Hà	02/10/1997	Đà Nẵng	ITA.39B				Cấm thi
10	2120718514	39B10	Phạm Thị Thu	Hà	10/06/1997	Quảng Bình	ITA.39B		7,0	Ráy Y	
11	2120253806	39B11	Hồ Thị Thanh	Hiền	17/08/1997	Quảng Bình	ITA.39B				Vắng
12	2020348142	39B12	Khương Thị	Hoan	20/10/1996	Nghệ An	ITA.39B		7,7	Ráy Bay	
13	2120219298	39B13	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/09/1996	Huà Thiên H	ITA.39B				Cấm thi
14	2120348758	39B14	Đoàn Thị Vy	Huyền	27/06/1997	Quảng Trị	ITA.39B		6,7	Sau Ráy	
15	2121716772	39B15	Nguyễn Duy	Khoa	16/12/1997	Đà Nẵng	ITA.39B				Cấm thi
16	2120718651	39B16	Phạm Thị Mỹ	Linh	11/04/1995	Quảng Nam	ITA.39B		6,3	Sau Ba	
17	2120325250	39B17	Trần Thị	Ly	05/05/1997	Quảng Trị	ITA.39B		5,3	Nam Ba	
18	2120715754	39B18	Đặng Thị Cẩm	Nhung	29/12/1997	Đà Nẵng	ITA.39B		5,3	Nam Ba	
19	2120866192	39B19	Ksor	Pond's	11/03/1997	Gia Lai	ITA.39B		6,3	Sau Ba	
20	2121866194	39B20	Nguyễn Đình	Quang	18/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.39B		4,7	Ráy Bay	
21	2121863967	39B21	Phạm Phước	Quy	05/01/1997	Gia Lai	ITA.39B		6,7	Sau Ráy	
22	2120866197	39B22	Nguyễn Dương Ngọc	Quỳnh	16/02/1997	Đà Nẵng	ITA.39B		7,0	Ráy Y	
23	2120863919	39B23	Võ Thị Thu	Sương	15/06/1997	Quảng Nam	ITA.39B		6,7	Sau Ráy	
24	2120715817	39B24	Phan Thị Thanh	Tâm	12/08/1997	Quảng Bình	ITA.39B		6,3	Sau Ba	

Như

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
25	2120347650	39B25	Vũ Thiên Thảo	Tâm	11/07/1997	Kon Tum	ITA 39B		8,0	Tâm Y	
26	2121869204	39B26	Hồ Minh	Thắng	18/11/1997	Quảng Nam	ITA 39B		8,3	Tâm Ba	
27	2121713688	39B27	Nguyễn Ngọc	Thắng	03/06/1997	Đà Nẵng	ITA 39B		8,0	Tâm Y	
28	2121868047	39B28	Lê Trung	Thành	19/05/1995	Gia Lai	ITA 39B		4,3	Bôn Ba	
29	2121866214	39B29	Trần Trịnh Công	Thạnh	12/01/1997	Quảng Nam	ITA 39B		7,0	Bay Y	
30	2020524257	39B30	Huỳnh Phương Thảo	Tiên	12/01/1996	hĩa Thiên H	ITA 39B		7,7	Bay Bay	
31	2121213410	39B31	Ngô Nguyễn Phước	Toàn	17/11/1996	Quảng Ngãi	ITA 39B		6,7	Sau Bay	
32	2020634919	39B32	Ngô Thị Xuân	Trang	21/02/1996	Đà Nẵng	ITA 39B		7,7	Bay Bay	
33	2020520567	39B33	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/03/1996	Đắk Nông	ITA 39B		7,3	Bay Ba	
34	2120248349	39B34	Võ Thị Ngọc	Trang	24/07/1997	Quảng Nam	ITA 39B		7,3	Bay Ba	
35	2120345180	39B35	Hoàng Nữ Hà	Uyên	17/02/1996	Nghệ An	ITA 39B				Cầm thi
36	2120866259	39B36	Cao Thị Tường	Vi	29/08/1995	Quảng Nam	ITA 39B		6,3	Sau Ba	
37	2120716680	39B37	Ngô Thị Tường	Vi	16/11/1997	Đà Nẵng	ITA 39B		7,0	Bay Y	
38	2020525940	39B38	Lê Thị Hoàng	Vy	03/04/1995	Quảng Nam	ITA 39B		7,3	Bay Ba	
39	2020714894	39B39	Lý Thảo	Vy	11/10/1996	Đà Nẵng	ITA 39B		5,0	Nam Y	
40	2120259813	39B40	Lê Thị Yên	Xong	04/10/1996	Quảng Ngãi	ITA 39B		8,0	Tâm Y	

Tổng số HV/Dự thi: 40/36 vắng: 0/1...

Cầm thi: 05..

Không đủ điều kiện dự thi: 0.....

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - THI GHEP VỚI LỚP ITA.39B

MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	1920715829		Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/03/1994	Đà Nẵng	ITA.20A	<i>[Signature]</i>	7,0	Bay 7	Thi ghép
2	1821166513		Phùng Nghĩa	Viễn	25/03/1993	Đà Nẵng	ITA.33B	<i>[Signature]</i>			Vắng Thi ghép
3	2121213385	35B19	Đoàn Thiên	Phước	30/07/1997	DakLak	ITA.35B	<i>[Signature]</i>	6,0	Sau 7	Thi ghép
4	2120316951	35B34	Nguyễn Trương Quỳnh	Trang	02/04/1996	Đà Nẵng	ITA.35B	<i>[Signature]</i>			Vắng Thi ghép
5	2020523415	36B05	Dương Lê Ngọc	Dung	13/11/1996	Đà Nẵng	ITA.36B	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm Ra	Thi ghép
6	2020527748	36B27	Trương Thị Lệ	Quỳnh	16/10/1995	Quảng Trị	ITA.36B	<i>[Signature]</i>	7,0	Bay 7	Thi ghép
7	2120866236	36B36	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	03/01/1997	Đà Nẵng	ITA.36B	<i>[Signature]</i>			Vắng Thi ghép
8	2120868620	36B37	Trần Thị	Trí	26/09/1997	Đà Nẵng	ITA.36B	<i>[Signature]</i>	7,7	Bay Bay	Thi ghép
9	2120266013	38B17	Nguyễn Thị Nhật	Linh	13/09/1997	Quảng Trị	ITA.38B	<i>[Signature]</i>	7,0	Bay 7	Thi ghép
10	2120719081	38B29	Nguyễn Thị Thu	Sương	26/03/1997	Quảng Nam	ITA.38B	<i>[Signature]</i>	7,7	Bay Bay	Thi ghép
11	2121719825	46A04	Nguyễn Quốc	Cường	08/04/1997	Quảng Bình	ITA.46A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tam 7	Thi ghép
12	2120715662	47A10	Hoàng Khánh	Huyền	13/01/1997	Đà Nẵng	ITA.47A	<i>[Signature]</i>	7,7	Bay Bay	Thi ghép
13	2121218664	47A17	Võ Văn	Mưu	30/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.47A	<i>[Signature]</i>	8,0	Tam 7	Thi ghép
14	2120318694	47A24	Võ Thanh	Quỳnh	22/09/1996	DakLak	ITA.47A	<i>[Signature]</i>			Vắng Thi ghép
15	2020525060	47A34	Nguyễn Phương	Trình	16/04/1996	Quảng Ngãi	ITA.47A	<i>[Signature]</i>	7,0	Bay 7	Thi ghép
16	2120259652	48A09	Nguyễn Thị	Diệp	13/03/1996	TT Huế	ITA.48A	<i>[Signature]</i>	6,0	Sau 7	Thi ghép
17	2120713590	48A32	Trương Thị Cẩm	Như	14/12/1997	Quảng Nam	ITA.48A	<i>[Signature]</i>	7,7	Bay Bay	Thi ghép
18	2120716921	49A15	Phan Thị Hoàng	Mai	14/01/1997	Đà Nẵng	ITA.49A	<i>[Signature]</i>	7,7	Bay Bay	Thi ghép
19	2027522182	49A39	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	04/12/1967	Huế	ITA.49A	<i>[Signature]</i>	7,3	Bay Ra	Thi ghép
20	2120253896	81AKT29	Phạm Ngọc	Viên	03/03/1997	Quảng Ngãi	K81AKT	<i>[Signature]</i>	8,0	Tam 7	Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: *20/26* Vắng: *04*

Cám thi: ...0...

Không đủ điều kiện dự thi: 0

Thời gian: 18h30 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2120257265	39B01	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/03/1996	Đà Nẵng	ITA.39B	1280	<i>Anh</i>	10,0	Nười	
2	2121217950	39B02	Nguyễn Thành	Cổng	10/01/1997	TT Huế	ITA.39B	999	<i>Thành</i>	10,0	Nười	
3	2121219009	39B03	Nguyễn Tiến	Diễn	12/01/1996	Quảng Bình	ITA.39B	806	<i>Tiến</i>	10,0	Nười	
4	2120713712	39B04	Cao Thị Kim	Dung	15/01/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	893	<i>Dung</i>	10,0	Nười	
5	2121117319	39B05	Văn Lê Viết	Duy	28/05/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	950	<i>Duy</i>	10,0	Nười	
6	2120316799	39B06	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/05/1995	Quảng Nam	ITA.39B					Cấm thi
7	2120253809	39B07	Trần Hương	Giang	27/04/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	929	<i>Hương</i>	8,5	Năm, Nam	
8	2120259696	39B08	Trần Thị Trà	Giang	25/09/1997	Quảng Bình	ITA.39B	796	<i>Trà</i>	7,0	Bảy, không	
9	2120713605	39B09	Phạm Thị Thanh	Hà	02/10/1997	Đà Nẵng	ITA.39B					Cấm thi
10	2120718514	39B10	Phạm Thị Thu	Hà	10/06/1997	Quảng Bình	ITA.39B	1287	<i>Thu</i>	6,5	Sáu, nam	
11	2120253806	39B11	Hồ Thị Thanh	Hiền	17/08/1997	Quảng Bình	ITA.39B					Vắng
12	2020348142	39B12	Khương Thị	Hoan	20/10/1996	Nghệ An	ITA.39B	836	<i>Hoan</i>	8,0	Năm, không	
13	2120219298	39B13	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/09/1996	hừa Thiên Huế	ITA.39B					Cấm thi
14	2120348758	39B14	Đoàn Thị Vy	Huyền	27/06/1997	Quảng Trị	ITA.39B	1523	<i>Huyền</i>	5,0	Năm, không	
15	2121716772	39B15	Nguyễn Duy	Khoa	16/12/1997	Đà Nẵng	ITA.39B					Cấm thi
16	2120718651	39B16	Phạm Thị Mỹ	Linh	11/04/1995	Quảng Nam	ITA.39B	796	<i>Linh</i>	3,5	Ba, nam	
17	2120325250	39B17	Trần Thị	Ly	05/05/1997	Quảng Trị	ITA.39B	904	<i>Ly</i>	4,5	Bốn, nam	
18	2120715754	39B18	Đặng Thị Cẩm	Nhung	29/12/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	1035	<i>Nhung</i>	5,5	Năm, nam	
19	2120866192	39B19	Ksor	Pond's	11/03/1997	Gia Lai	ITA.39B	1052	<i>Pond's</i>	9,5	Chín, nam	
20	2121866194	39B20	Nguyễn Đình	Quang	18/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.39B					Vắng
21	2121863967	39B21	Phạm Phước	Quy	05/01/1997	Gia Lai	ITA.39B	872	<i>Quy</i>	9,5	Chín, nam	
22	2120866197	39B22	Nguyễn Dương Ngọc	Quỳnh	16/02/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	902	<i>Quỳnh</i>	9,0	Chín, không	
23	2120863919	39B23	Võ Thị Thu	Sương	15/06/1997	Quảng Nam	ITA.39B	1548	<i>Sương</i>	9,5	Chín, nam	
24	2120715817	39B24	Phan Thị Thanh	Tâm	12/08/1997	Quảng Bình	ITA.39B	892	<i>Tâm</i>	6,0	Sáu, không	
25	2120347650	39B25	Vũ Thiên Tháo	Tâm	11/07/1997	Kon Tum	ITA.39B	1089	<i>Tâm</i>	10,0	Nười	
26	2121869204	39B26	Hồ Minh	Thắng	18/11/1997	Quảng Nam	ITA.39B	892	<i>Thắng</i>	10,0	Nười	

Như

STT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
27	2121713688	39B27	Nguyễn Ngọc	Thắng	03/06/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	858	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy, Chín	
28	2121868047	39B28	Lê Trung	Thành	19/05/1995	Gia Lai	ITA.39B					Vàng
29	2121866214	39B29	Trần Trịnh Công	Thành	12/01/1997	Quảng Nam	ITA.39B	798	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy, Chín	
30	2020524257	39B30	Huỳnh Phương Thảo	Tiến	12/01/1996	Đà Nẵng	ITA.39B	798	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Chín	
31	2121213410	39B31	Ngô Nguyễn Phước	Toàn	17/11/1996	Quảng Ngãi	ITA.39B	963	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Chín	
32	2020634919	39B32	Ngô Thị Xuân	Trang	21/02/1996	Đà Nẵng	ITA.39B	965	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám, Chín	
33	2020520567	39B33	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/03/1996	Đà Nẵng	ITA.39B	888	<i>[Signature]</i>	10,0	Mười	
34	2120248349	39B34	Võ Thị Ngọc	Trang	24/07/1997	Quảng Nam	ITA.39B	828	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Chín	
35	2120345180	39B35	Hoàng Nữ Hà	Uyên	17/02/1996	Nghệ An	ITA.39B					Cấm thi
36	2120866259	39B36	Cao Thị Tường	Vi	29/08/1995	Quảng Nam	ITA.39B	864	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Chín	
37	2120716680	39B37	Ngô Thị Tường	Vi	16/11/1997	Đà Nẵng	ITA.39B	941	<i>[Signature]</i>	10,0	Mười	
38	2020525940	39B38	Lê Thị Hoàng	Vy	03/04/1995	Quảng Nam	ITA.39B	931	<i>[Signature]</i>	10,0	Mười	
39	2020714894	39B39	Lý Thảo	Vy	11/10/1996	Đà Nẵng	ITA.39B	836	<i>[Signature]</i>	10,0	Mười	
40	2120259813	39B40	Lê Thị Yên	Xong	04/10/1996	Quảng Ngãi	ITA.39B	888	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, Chín	

Tổng số HV/Dự thi: 40/32 Vắng: 0.2

Cấm thi: 0.5

Không đủ điều kiện dự thi:

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHEP VỚI LỚP ITA.39B

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	1920715829		Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/03/1994	Đà Nẵng	ITA.20A	895		8,0	Tam, Khuy	Thi ghép
2	1821166513		Phùng Nghĩa	Viễn	25/03/1993	Đà Nẵng	ITA.33B					Vàng
3	2121213385	35B19	Đoàn Thiên	Phước	30/07/1997	DakLak	ITA.35B	905		8,0	Tam, Khuy	Thi ghép
4	2120316951	35B34	Nguyễn Trương Quỳnh	Trang	02/04/1996	Đà Nẵng	ITA.35B					Vàng
5	2020523415	36B05	Dương Lê Ngọc	Dung	13/11/1996	Đà Nẵng	ITA.36B	707		8,5	Tam, Nam	Thi ghép
6	2020527748	36B27	Trương Thị Lệ	Quỳnh	16/10/1995	Quảng Trị	ITA.36B	127,9		9,5	Chin, Nam	Thi ghép
7	2120866236	36B36	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	03/01/1997	Đà Nẵng	ITA.36B					Vàng
8	2120868620	36B37	Trần Thị	Trí	26/09/1997	Đà Nẵng	ITA.36B	1069		8,0	Tam, Khuy	Thi ghép
9	2120266013	38B17	Nguyễn Thị Nhật	Linh	13/09/1997	Quảng Trị	ITA.38B	913		7,0	Bay, Khuy	Thi ghép
10	2120719081	38B29	Nguyễn Thị Thu	Sương	26/03/1997	Quảng Nam	ITA.38B	929		6,5	Sai, Nam	Thi ghép
11	2121719825	46A04	Nguyễn Quốc	Cường	08/04/1997	Quảng Bình	ITA.46A	1170		7,0	Bay, Khuy	Thi ghép
12	2120715662	47A10	Hoàng Khánh	Huyền	13/01/1997	Đà Nẵng	ITA.47A	1164		7,0	Bay, Khuy	Thi ghép
13	2121218664	47A17	Võ Văn	Mưu	30/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.47A	1053		8,0	Tam, Khuy	Thi ghép
14	2120318694	47A24	Võ Thanh	Quỳnh	22/09/1996	DakLak	ITA.47A					Vàng
15	2020525060	47A34	Nguyễn Phương	Trình	16/04/1996	Quảng Ngãi	ITA.47A	1033		9,5	Chin, Nam	Thi ghép
16	2120259652	48A09	Nguyễn Thị	Diệp	13/03/1996	TT Huế	ITA.48A	1029		9,0	Chin, Khuy	Thi ghép
17	2120713590	48A32	Trương Thị Cẩm	Như	14/12/1997	Quảng Nam	ITA.48A	929		9,0	Chin, Khuy	Thi ghép
18	2120716921	49A15	Phan Thị Hoàng	Mai	14/01/1997	Đà Nẵng	ITA.49A	948		10,0	Nước	Thi ghép
19	2027522182	49A39	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	04/12/1967	Huế	ITA.49A	750		6,0	Sai, Khuy	Thi ghép
20	2120253896	81AKT29	Phạm Ngọc	Viên	03/03/1997	Quảng Ngãi	K81AKT	878		7,0	Bay, Khuy	Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: 48/60 Vắng: 07/...

Cám thi: ...5.

Không đủ điều kiện dự thi:

Thời gian: 17h45 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120717017	51A01	Lê Thị Thúy	Anh	04/10/1997	Thanh Hóa	ITA.51A	<i>Ad</i>	4,3	Bớt, bẻ	
2	2120313157	51A02	Lê Thị	Bình	05/07/1997	Hà Tĩnh	ITA.51A	<i>Binh</i>	6,8	Sau, tam	
3	2020522873	51A03	Nguyễn Thị Minh	Diệu	04/01/1994	Quảng Trị	ITA.51A	<i>leu</i>	4,8	Bớt, tam	
4	2120717429	51A04	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	25/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>Apd</i>	6,0	Sau y	
5	2021116045	51A05	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1996	Quảng Nam	ITA.51A	<i>le</i>	6,0	Sau y	
6	2021715640	51A06	Trần Quang	Duy	14/08/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>Duy</i>	5,0	Năm y	
7	2120258397	51A07	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	13/08/1997	Phú Yên	ITA.51A	<i>Quynh</i>	5,0	Năm y	
8	2120657621	51A08	Lê Thị Ngân	Hà	30/09/1997	Kon Tum	ITA.51A	<i>Ngan</i>	6,8	Sau, tam	
9	2120718135	51A09	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/12/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>Me</i>	4,8	Bớt, tam	
10	2020526457	51A10	Lê Thị Thu	Hiền	26/05/1996	Quảng Trị	ITA.51A	<i>Ad</i>	6,5	Sau, rớt	
11	2120347969	51A11	Lê Thị Minh	Hiếu	07/07/1997	Quảng Nam	ITA.51A	<i>luu</i>	5,0	Năm y	
12	2020523565	51A12	Lê Thị Thanh	Hoa	23/08/1996	Thanh Hóa	ITA.51A	<i>Hoa</i>	6,5	Sau, rớt	
13	2120717414	51A13	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	21/12/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>Thu</i>	6,0	Sau y	
14	2021154787	51A14	Trần Ngọc	Huy	26/06/1996	Đà Nẵng	ITA.51A				✓
15	2120713480	51A15	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/08/1997	Dak Lak	ITA.51A	<i>Huyen</i>	4,3	Bớt, bẻ	
16	2120218661	51A16	Hoàng Thị Diễm	Liên	30/05/1997	Quảng Trị	ITA.51A	<i>ly</i>	4,0	Bớt y	
17	2120867337	51A17	Đàm Thị Diệu	Linh	19/05/1997	Quảng Ngãi	ITA.51A				✓
18	2020636715	51A18	Dương Thị Thùy	Linh	12/06/1995	Quảng Bình	ITA.51A				✓
19	2020716364	51A19	Mạc Thị Mai	Linh	01/01/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>mai</i>	4,0	Bớt y	
20	2020265637	51A20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/04/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>luk</i>	5,0	Năm y	
21	2121218484	51A21	Hoàng Kim	Long	02/10/1997	Đà Nẵng	ITA.51A				✓
22	2120715707	51A22	Lữ Diệu	My	20/09/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>My</i>	4,25	Bớt, bẻ	4,3
23	2120718192	51A23	Nguyễn Thị Ly	Na	08/11/1997	Quảng Nam	ITA.51A	<i>Ly</i>	5,5	Năm rớt	
24	2121713657	51A24	Nguyễn Thành	Nam	24/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	<i>Thanh</i>	4,8	Bớt, tam	Alieu

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
25	2120213454	51A25	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Nhi	24/05/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		6,0	Sau y	
26	2120646485	51A26	Lê Quỳnh Anh	Phương	09/02/1997	Phú Yên	ITA.51A		6,3	Sau, ba	
27	2121219085	51A27	Vũ Văn	Phương	27/06/1995	Hà Nội	ITA.51A		3,8	Ba, tam	
28	2120866932	51A28	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	03/11/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		5,3	Nam, ba	
29	2121715825	51A29	Nguyễn Quang	Thắng	04/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		4,3	Ba, ba	
30	2021527749	51A30	Nguyễn Thanh	Thắng	03/01/1994	Thanh Hóa	ITA.51A		4,8	Ba, tam	
31	2121715826	51A31	Trần Hữu	Thắng	11/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		4,0	Ba y	
32	2120313172	51A32	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/04/1997	Bình Định	ITA.51A		5,3	Nam, ba	
33	2120713619	51A33	Đoàn Thị	Thương	13/05/1997	Quảng Nam	ITA.51A		3,8	Ba, tam	
34	2120313208	51A34	Bùi Thị Thanh	Trang	08/09/1997	Quảng Nam	ITA.51A		4,8	Ba, tam	
35	2120213455	51A35	Nguyễn Thu	Trang	22/07/1997	Hải Dương	ITA.51A		6,3	Sau, ba	
36	2120719588	51A36	Phan Thanh Thủy	Trúc	25/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		7,0	Ba y	
37	2121219267	51A37	Mai Thanh	Trung	08/10/1997	DakLak	ITA.51A		5,3	Nam, ba	
38	2120717623	51A38	Phạm Thị Thu	Uyên	07/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		6,3	Sau, ba	
39	2120258633	51A39	Phan Thị Thanh	Vân	02/11/1997	Đà Nẵng	ITA.51A		6,8	Sau, tam	
40	2120318693	51A40	Nguyễn Thị	Xoan	27/07/1997	Hà Tĩnh	ITA.51A		5,5	Nam, tam	

Tổng số HV/Dự thi: 36

Vắng: 04

Cám thi: 00

Không đủ điều kiện dự thi: 00

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.51A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2120717017	51A01	Lê Thị Thủy	Anh	04/10/1997	Thanh Hóa	ITA.51A		<i>Ad</i>	—	—	—
2	2120313157	51A02	Lê Thị	Bình	05/07/1997	Hà Tĩnh	ITA.51A	1995	<i>Binh</i>	6,0	Sau, không	—
3	2020522873	51A03	Nguyễn Thị Minh	Diệu	04/01/1994	Quảng Trị	ITA.51A	785	<i>Deu</i>	—	—	—
4	2120717429	51A04	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	25/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	765	<i>Nghe</i>	7,5	Bay, nam	—
5	2021116045	51A05	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1996	Quảng Nam	ITA.51A	1120	<i>dt</i>	3,0	Ka, không	—
6	2021715640	51A06	Trần Quang	Duy	14/08/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	553	<i>duy</i>	4,0	Bin, không	—
7	2120258397	51A07	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	13/08/1997	Phú Yên	ITA.51A	29	<i>Quynh</i>	3,5	Bay, nam	—
8	2120657621	51A08	Lê Thị Ngân	Hà	30/09/1997	Kon Tum	ITA.51A	865	<i>ngan</i>	5,0	Nam, không	—
9	2120718135	51A09	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/12/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	<i>h</i>	—	—	—
10	2020526457	51A10	Lê Thị Thu	Hiền	26/05/1996	Quảng Trị	ITA.51A	53	<i>ht</i>	8,0	Tam, không	—
11	2120347969	51A11	Lê Thị Minh	Hiếu	07/07/1997	Quảng Nam	ITA.51A	925	<i>hieu</i>	5,0	Nam, không	—
12	2020523565	51A12	Lê Thị Thanh	Hoa	23/08/1996	Thanh Hóa	ITA.51A	680	<i>h</i>	8,0	Tam, không	—
13	2120717414	51A13	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	21/12/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	936	<i>hu</i>	8,0	Tam, không	—
14	2021154787	51A14	Trần Ngọc	Huy	26/06/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	—	—	—	—	—
15	2120713480	51A15	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/08/1997	Dak Lak	ITA.51A	—	<i>huyen</i>	—	—	—
16	2120218661	51A16	Hoàng Thị Diễm	Liên	30/05/1997	Quảng Trị	ITA.51A	—	<i>li</i>	—	—	—
17	2120867337	51A17	Đàm Thị Diệu	Linh	19/05/1997	Quảng Ngãi	ITA.51A	—	—	—	—	—
18	2020636715	51A18	Dương Thị Thủy	Linh	12/06/1995	Quảng Bình	ITA.51A	—	—	—	—	—
19	2020716364	51A19	Mạc Thị Mai	Linh	01/01/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	—	<i>mai</i>	—	—	—
20	2020656637	51A20	Nguyễn Thị Thủy	Linh	06/04/1996	Đà Nẵng	ITA.51A	536	<i>thuy</i>	4,0	Bin, không	—
21	2121218484	51A21	Hoàng Kim	Long	02/10/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	—	—	—	—
22	2120715707	51A22	Lữ Diệu	My	20/09/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	<i>my</i>	—	—	—
23	2120718192	51A23	Nguyễn Thị Ly	Na	08/11/1997	Quảng Nam	ITA.51A	746	<i>ly</i>	8,0	Tam, không	—
24	2121713657	51A24	Nguyễn Thành	Nam	24/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	<i>nam</i>	—	—	—
25	2120213454	51A25	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Nhi	24/05/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	749	<i>nh</i>	9,5	Chin, nam	—

rdan

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
26	2120646485	51A26	Lê Quỳnh Anh	Phuong	09/02/1997	Phú Yên	ITA.51A	1280		5,5	Năm, năm	
27	2121219085	51A27	Vũ Văn	Phuong	27/06/1995	Hà Nội	ITA.51A	—	Phuong	—	—	
28	2120866932	51A28	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	03/11/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	703	Sương	8,0	Tam, không	
29	2121715825	51A29	Nguyễn Quang	Thắng	04/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	Th	—	—	
30	2021527749	51A30	Nguyễn Thanh	Thắng	03/01/1994	Thanh Hóa	ITA.51A	—	Thanh	—	—	
31	2121715826	51A31	Trần Hữu	Thắng	11/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	—	Th	—	—	
32	2120313172	51A32	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/04/1997	Bình Định	ITA.51A	1626	Th	3,0	Ba, không	
33	2120713619	51A33	Đoàn Thị	Thương	13/05/1997	Quảng Nam	ITA.51A	805	Thương	—	—	
34	2120313208	51A34	Bùi Thị Thanh	Trang	08/09/1997	Quảng Nam	ITA.51A	808	Th	—	—	
35	2120213455	51A35	Nguyễn Thu	Trang	22/07/1997	Hải Dương	ITA.51A	800	Trang	7,0	Bảy, không	
36	2120719588	51A36	Phan Thanh Thủy	Trúc	25/02/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	613	Tr	8,5	Tam, năm	
37	2121219267	51A37	Mai Thanh	Trung	08/10/1997	Dak Lak	ITA.51A	618	Trung	4,0	Bốn, không	
38	2120717623	51A38	Phạm Thị Thu	Uyên	07/06/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	589	Uyên	8,5	Tam, năm	
39	2120258633	51A39	Phan Thị Thanh	Vân	02/11/1997	Đà Nẵng	ITA.51A	1212	V	6,5	Sáu, năm	
40	2120318693	51A40	Nguyễn Thị	Xoan	27/07/1997	Hà Tĩnh	ITA.51A	809	Xoan	3,5	Ba, năm	

Tổng số HV/Dự thi: 36

Vắng: 04

Cấm thi: 10

Không đủ điều kiện dự thi: 00

Thời gian: 17h45 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 610/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120219111	52A01	Nguyễn Thị Thảo	Chi	08/04/1997	Gia Lai	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	Thi 58' 25
2	2120715563	52A02	Phan Thị Hà	Chi	19/05/1997	Quảng Trị	ITA.52A		5,3	Năm, Ba	
3	2021123729	52A03	Lương Hoàng	Cương	05/11/1996	Đà Nẵng	ITA.52A		6,3	Sáu, Ba	
4	2120713515	52A04	Nguyễn Thị Linh	Đa	11/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		6,7	Sáu, Bảy	
5	2120659457	52A05	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/05/1996	Quảng Nam	ITA.52A		8,0	Tám, Không	
6	2020524840	52A06	Đinh Thị Hoàng	Dung	17/03/1996	Quảng Nam	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
7	2120217916	52A07	Bùi Thị Yến	Duyên	11/09/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
8	2020525026	52A08	Nguyễn Hà Trúc	Giang	17/04/1996	Đà Nẵng	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
9	2120868615	52A09	Trần Thị Minh	Hà	10/07/1997	Quảng Nam	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	
10	2120213303	52A10	Lê Nhật	Hằng	06/05/1997	Quảng Nam	ITA.52A		6,7	Sáu, Bảy	
11	2120524636	52A11	Trần Thị Thanh	Hằng	29/07/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
12	2020523260	52A12	Đặng Thị	Hiền	17/02/1996	Hà Tĩnh	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	
13	2120328016	52A13	Mai Thị	Huệ	08/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	
14	2020513604	52A14	Nguyễn Thanh	Hương	09/11/1996	Quảng Nam	ITA.52A		8,0	Tám, Không	
15	21208664473	52A15	Dương Thị Ngọc	Huyền	17/01/1996	DakLak	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	
16	2120317610	52A16	Nguyễn Thị Bích	Huyền	30/10/1997	Quảng Ngãi	ITA.52A		6,7	Sáu, Bảy	
17	2120654953	52A17	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/05/1997	Quảng Nam	ITA.52A		6,0	Sáu, Không	
18	1820335902	52A18	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/06/1991	Quảng Nam	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	Không đủ đk dự thi
19	2120715701	52A19	Phan Tuyết	Mai	30/04/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,0	Tám, Không	
20	2020523785	52A20	Nguyễn Thị Hoàng	My	23/06/1996	Đà Nẵng	ITA.52A		8,0	Tám, Không	
21	2220253307	52A21	Nguyễn Thị Lê	Na	09/03/1998	Nghệ An	ITA.52A				Cấm thi
22	2021526347	52A22	Nguyễn Nhân	Nghĩa	02/12/1996	DakLak	ITA.52A				Vắng
23	2021523336	52A23	Nguyễn Khánh	Nguyen	03/09/1996	Đà Nẵng	ITA.52A				Cấm thi

Chữ ký

STT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
24	2120718297	52A24	Dương Thị	Nhi	15/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,0	Tám, Không	Thi 8,0
25	2121259271	52A25	Bùi Tuấn	Phong	12/04/1997	Dak Lak	ITA.52A				Cấm thi
26	2120715777	52A26	Huỳnh Thị Nhật	Phượng	11/01/1997	HCM	ITA.52A				Không đủ đk dự thi
27	2120713648	52A27	Nguyễn Thị Thu	Phượng	09/11/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,0	Tám, Không	
28	2120715782	52A28	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	12/07/1997	Quảng Nam	ITA.52A		7,7	Bảy, Bảy	
29	2120317383	52A29	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	08/01/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		7,3	Bảy, Bảy	
30	2120713646	52A30	Huỳnh Thị Kim	Tâm	14/01/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,7	Tám, Bảy	
31	2120313173	52A31	Vũ Hồng	Tâm	21/04/1997	Gia Lai	ITA.52A		6,3	Sáu, Ba	
32	2121654946	52A32	Hồ Văn	Thanh	24/01/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
33	2121719563	52A33	Tăng Trần Thiên	Thanh	22/09/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		7,3	Bảy, Ba	
34	2120213447	52A34	Hoàng Thanh	Thảo	18/04/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		6,7	Sáu, Bảy	
35	2120713597	52A35	Nguyễn Thu	Thảo	10/09/1997	Quảng Nam	ITA.52A		7,3	Bảy, Ba	
36	2110233024	52A36	Phan Thị Thu	Thảo	04/05/1997	Quảng Nam	ITA.52A		7,0	Bảy, Không	
37	2120713593	52A37	Trần Ngọc Minh	Thi	02/09/1997	Quảng Nam	ITA.52A		8,3	Tám, Ba	
38	2120717027	52A38	Võ Ngọc Thùy	Trâm	08/11/1997	Dak Lak	ITA.52A		7,3	Bảy, Ba	
39	2120218374	52A39	Hồ Thị Thuý	Trang	11/07/1997	Đà Nẵng	ITA.52A		7,3	Bảy, Ba	

Tổng số HV/Dự thi: 39/53

Vắng: 14/53

Cấm thi: 0/53

Không đủ điều kiện dự thi: 0/53

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.52A

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 610/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2120219111	52A01	Nguyễn Thị Thảo	Chi	08/04/1997	Gia Lai	ITA.52A	809	<i>[Signature]</i>	9.10	Chín, không	
2	2120715563	52A02	Phan Thị Hà	Chi	19/05/1997	Quảng Trị	ITA.52A	1185	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy, không	
3	2021123729	52A03	Lương Hoàng	Cương	05/11/1996	Đà Nẵng	ITA.52A	945	<i>[Signature]</i>	8.0	Tám, không	
4	2120713515	52A04	Nguyễn Thị Linh	Đa	11/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	1217	<i>[Signature]</i>	6.5	Sáu, nam	
5	2120659437	52A05	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/05/1996	Quảng Nam	ITA.52A	449	<i>[Signature]</i>	8.0	Tám, không	
6	2020524840	52A06	Đinh Thị Hoàng	Dung	17/03/1996	Quảng Nam	ITA.52A	446	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy, không	
7	2120217916	52A07	Bùi Thị Yến	Duyên	11/09/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	605	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, nam	
8	2020525026	52A08	Nguyễn Hà Trúc	Giang	17/04/1996	Đà Nẵng	ITA.52A	763	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín, không	
9	2120868615	52A09	Trần Thị Minh	Hà	10/07/1997	Quảng Nam	ITA.52A	627	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín, không	
10	2120213303	52A10	Lê Nhật	Hằng	06/05/1997	Quảng Nam	ITA.52A	514	<i>[Signature]</i>	6.5	Sáu, nam	
11	2120524636	52A11	Trần Thị Thanh	Hằng	29/07/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	404	<i>[Signature]</i>	8.5	Tám, nam	
12	2020523260	52A12	Đặng Thị	Hiền	17/02/1996	Hà Tĩnh	ITA.52A	1090	<i>[Signature]</i>	8.5	Tám, nam	
13	2120328016	52A13	Mai Thị	Huệ	08/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	544	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, nam	
14	2020513604	52A14	Nguyễn Thanh	Hương	09/11/1996	Quảng Nam	ITA.52A	544	<i>[Signature]</i>	6.5	Sáu, nam	
15	2120866473	52A15	Dương Thị Ngọc	Huyền	17/01/1996	DakLak	ITA.52A	30	<i>[Signature]</i>	6.5	Sáu, nam	
16	2120317610	52A16	Nguyễn Thị Bích	Huyền	30/10/1997	Quảng Ngãi	ITA.52A	936	<i>[Signature]</i>	7.5	Bảy, nam	
17	2120654953	52A17	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/05/1997	Quảng Nam	ITA.52A	829	<i>[Signature]</i>	7.5	Bảy, nam	
18	1820335902	52A18	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/06/1991	Quảng Nam	ITA.52A					Không đủ điểm dự thi
19	2120715701	52A19	Phan Tuyết	Mai	30/04/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	805	<i>[Signature]</i>	9.0	Chín, không	
20	2020523785	52A20	Nguyễn Thị Hoàng	My	23/06/1996	Đà Nẵng	ITA.52A	572	<i>[Signature]</i>	9.5	Chín, nam	
21	2220253307	52A21	Nguyễn Thị Lê	Na	09/03/1998	Nghệ An	ITA.52A					Cấm thi
22	2021526347	52A22	Nguyễn Nhân	Nghĩa	02/12/1996	DakLak	ITA.52A					Vắng
23	2021523336	52A23	Nguyễn Khánh	Nguyễn	03/09/1996	Đà Nẵng	ITA.52A					Cấm thi
24	2120718297	52A24	Dương Thị	Nhi	15/03/1997	Đà Nẵng	ITA.52A	952	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy, không	
25	2121259271	52A25	Bùi Tuấn	Phong	12/04/1997	DakLak	ITA.52A					Cấm thi

[Signature]

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
26	2120715777	52A26	Huỳnh Thị Nhật	Phượng	11/01/1997	HCM	ITA 52A					Không đủ đk dự thi
27	2120713648	52A27	Nguyễn Thị Thu	Phượng	09/11/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	925		7.5	Bai, nam	
28	2120715782	52A28	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	12/07/1997	Quảng Nam	ITA 52A	1197		7.5	Bai, nam	
29	2120317383	52A29	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	08/01/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	1149		6.5	Bai, nam	
30	2120713646	52A30	Huỳnh Thị Kim	Tâm	14/01/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	1096		7.5	Bai, nam	
31	2120313173	52A31	Vũ Hồng	Tâm	21/04/1997	Gia Lai	ITA 52A	1544		7.5	Bai, nam	
32	2121654946	52A32	Hồ Văn	Thanh	24/01/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	1073		7.5	Bai, nam	
33	2121719563	52A33	Tăng Trần Thiên	Thanh	22/09/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	765		6.5	Sau, nam	
34	2120213447	52A34	Hoàng Thanh	Thảo	18/04/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	797		7.0	Bai, không	
35	2120713597	52A35	Nguyễn Thu	Thảo	10/09/1997	Quảng Nam	ITA 52A	1032		9.5	Choi, nam	
36	2110233024	52A36	Phan Thị Thu	Thảo	04/05/1997	Quảng Nam	ITA 52A	820		4.5	Pin, nam	
37	2120713593	52A37	Trần Ngọc Minh	Thi	02/09/1997	Quảng Nam	ITA 52A	668		7.0	Bai, không	
38	2120717027	52A38	Võ Ngọc Thùy	Trâm	08/11/1997	DakLak	ITA 52A	3016		8.5	Tam, nam	
39	2120218374	52A39	Hồ Thị Thuý	Trang	11/07/1997	Đà Nẵng	ITA 52A	1619		7.5	Bai, nam	

Tổng số HV/Dự thi: 39/33

Vắng: 01

Cấm thi: 00

Không đủ điều kiện dự thi: 02

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.53A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2121316952	53A01	Nguyễn Bảo	Anh	20/06/1997	Đà Nẵng	ITA.53A				Cấm thi
2	2121524477	53A02	Lê Kế Quốc	Chính	05/02/1997	Bình Định	ITA.53A		6,3	Sau, Ba	
3	1921318030	53A03	Nguyễn Xuân	Chính	18/11/1995	Đà Nẵng	ITA.53A		8,0	Tám, y	
4	2121529581	53A04	Nguyễn Lê Nhật	Duân	16/03/1997	Đà Nẵng	ITA.53A		7,0	Bay, y	
5	2121253891	53A05	Nguyễn Hữu Huỳnh	Đức	04/10/1997	Quảng Bình	ITA.53A		7,3	Bay, Ba	
6	2120315200	53A06	Bùi Thị Thùy	Dung	10/05/1996	Quảng Trị	ITA.53A		6,7	Sau, Bay	
7	2120318496	53A07	Phạm Thùy	Dương	08/09/1996	Đà Nẵng	ITA.53A				Viết
8	2120715597	53A08	Phạm Thị Thu	Hà	05/09/1997	Đà Nẵng	ITA.53A		7,7	Bay, Bay	
9	2121656959	53A09	Lê Ngọc	Hải	22/05/1996	Đà Nẵng	ITA.53A		7,0	Bay, y	
10	2021526808	53A10	Trần Ngọc	Hải	26/11/1996	Hà Tĩnh	ITA.53A		9,7	Chín, Bay	
11	2120318105	53A11	Nguyễn Thị	Hậu	21/04/1997	DakLak	ITA.53A		7,3	Bay, Ba	
12	2120528837	53A12	Đào Thanh	Hương	29/10/1997	Quảng Trị	ITA.53A		6,0	Sau, y	
13	2121657399	53A13	Mai Nhật	Linh	13/01/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A		6,0	Sau, y	
14	2120717899	53A14	Đoàn Thị Hồng	Loan	20/09/1997	Đà Nẵng	ITA.53A		8,0	Tám, y	
15	2120315249	53A15	Nguyễn Thị Ly	Ly	15/09/1997	DakLak	ITA.53A		8,0	Tám, y	
16	2120657857	53A16	Nguyễn Thị Thảo	Ly	04/12/1997	Quảng Nam	ITA.53A		8,3	Tám, Ba	
17	2120654959	53A17	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/06/1996	Quảng Nam	ITA.53A		7,0	Bay, y	
18	2120317135	53A18	Nguyễn Thị Trà	My	24/06/1997	Quảng Bình	ITA.53A		6,7	Sau, Bay	
19	2120654957	53A19	Võ Hồng	Ngân	06/06/1996	Quảng Nam	ITA.53A		7,7	Bay, Bay	
20	2120527653	53A20	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	24/07/1997	Quảng Trị	ITA.53A		8,7	Tám, Bay	
21	2110623109	53A21	Đầu Thị Mỹ	Nữ	16/10/1996	Quảng Nam	ITA.53A		4,0	Bảy, y	
22	2120524752	53A22	Lê Thị Kim	Oanh	17/09/1997	Gia Lai	ITA.53A		7,3	Bay, Ba	
23	2120867339	53A23	Tường Thanh	Phương	26/03/1997	Quảng Nam	ITA.53A		9,0	Chín, y	
24	2120866196	53A24	Đỗ Thị Trúc	Quỳnh	20/06/1997	Bình Định	ITA.53A		6,7	Sau, Bay	

NĐN

Đ TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
25	2120867790	53A25	Hoàng Lê	Quỳnh	15/09/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A		5,7	Năm, Bay ²	
26	2121869464	53A26	Lương Thế	Sơn	20/10/1995	Đà Nẵng	ITA.53A		6,3	Sáu, Ba	
27	2121868219	53A27	Nguyễn Nhật	Tân	20/08/1996	Quảng Nam	ITA.53A		6,3	Sáu, Ba	
28	2120869331	53A28	Hồ Thị Thu	Thảo	25/02/1997	Kon Tum	ITA.53A		6,7	Sáu, Bay ²	
29	2120526685	53A29	Mai Thị	Thảo	25/06/1996	Quảng Trị	ITA.53A		8,0	Tám, y	
30	2120524775	53A30	Phan Hoàng Phương	Thảo	09/09/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A		6,7	Sáu, Bay ²	
31	2120866221	53A31	Đỗ Hoài	Thị	17/06/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A		7,0	Bay, y	
32	2121658554	53A32	Nguyễn Đoàn Minh	Thiên	20/01/1997	Quảng Nam	ITA.53A		7,0	Bay, y	
33	2110623107	53A33	Đầu Thị Mỹ	Tiên	16/10/1996	Quảng Nam	ITA.53A		7,3	Bay, Ba	
34	1921179593	53A34	Nguyễn Chánh	Tín	19/10/1995	Đà Nẵng	ITA.53A		7,7	Bay ² , Bay ²	
35	2121524670	53A35	Võ Cảnh	Toàn	10/08/1997	Bình Định	ITA.53A		5,7	Năm, Bay ²	
36	2120518102	53A36	Trần Thị Tuyết	Trinh	17/10/1997	Kon Tum	ITA.53A		7,0	Bay, y	
37	2120646494	53A37	Phạm Thị Thanh	Truyền	12/02/1997	Quảng Nam	ITA.53A		8,0	Tám, y	
38	2121659506	53A38	Võ Ngọc	Tú	11/11/1996	Quảng Nam	ITA.53A		8,7	Tám, Bay ²	
39	2120654955	53A39	Võ Thị Tuyết	Vân	12/01/1997	Đà Nẵng	ITA.53A		8,3	Tám, Ba	
40	2120713494	53A40	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	10/12/1997	Quảng Nam	ITA.53A		7,0	Bay, y	

Tổng số HV/Dự thi: 38.

Vắng: .a.l..

Cấm thi: .a.l..

Không đủ điều kiện dự thi:

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.53A

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 03/3/2019 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2121316952	53A01	Nguyễn Bảo	Anh	20/06/1997	Đà Nẵng	ITA 53A	—	—	—	—	Cấm thi
2	2121524477	53A02	Lê Kế Quốc	Chính	05/02/1997	Bình Định	ITA 53A	1116	<i>Quat</i>	8,5	Tam, Nam	
3	1921318030	53A03	Nguyễn Xuân	Chính	18/11/1995	Đà Nẵng	ITA 53A	1082	<i>Uutkac</i>	10,0	Bon, Khing	
4	2121529581	53A04	Nguyễn Lê Nhật	Duân	16/03/1997	Đà Nẵng	ITA 53A	891	<i>Duy</i>	8,5	Tam, Nam	
5	2121253891	53A05	Nguyễn Hữu Huỳnh	Đức	04/10/1997	Quảng Bình	ITA 53A	829K	<i>Đức</i>	9,0	Chin, Khing	
6	2120315200	53A06	Bùi Thị Thùy	Dung	10/05/1996	Quảng Trị	ITA 53A	824	<i>Bui</i>	6,0	Sau, Khing	
7	2120318496	53A07	Phạm Thùy	Dương	08/09/1996	Đà Nẵng	ITA 53A	—	—	—	—	—
8	2120715597	53A08	Phạm Thị Thu	Hà	05/09/1997	Đà Nẵng	ITA 53A	550x	<i>Yuhua</i>	5,0	Nam, Khing	
9	2121656959	53A09	Lê Ngọc	Hải	22/05/1996	Đà Nẵng	ITA 53A	1213	<i>Ho</i>	6,5	Sau, Nam	
10	2021526808	53A10	Trần Ngọc	Hải	26/11/1996	Hà Tĩnh	ITA 53A	838K	<i>Ho</i>	9,5	Chin, Nam	
11	2120318105	53A11	Nguyễn Thị	Hậu	21/04/1997	DakLak	ITA 53A	782	<i>Ho</i>	6,0	Sau, Khing	
12	2120528837	53A12	Đào Thanh	Hương	29/10/1997	Quảng Trị	ITA 53A	948	<i>Hy</i>	7,0	Bay, Khing	
13	2121657399	53A13	Mai Nhật	Linh	13/01/1997	Quảng Ngãi	ITA 53A	1470	<i>Ho</i>	9,0	Chin, Khing	
14	2120717899	53A14	Đoàn Thị Hồng	Loan	20/09/1997	Đà Nẵng	ITA 53A	596	<i>Ho</i>	6,5	Sau, Nam	
15	2120315249	53A15	Nguyễn Thị Ly	Ly	15/09/1997	DakLak	ITA 53A	1165	<i>Chit</i>	7,0	Bay, Khing	
16	2120657857	53A16	Nguyễn Thị Thảo	Ly	04/12/1997	Quảng Nam	ITA 53A	829	<i>Hy</i>	8,0	Tam, Khing	
17	2120654959	53A17	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/06/1996	Quảng Nam	ITA 53A	94K	<i>Ho</i>	8,0	Tam, Khing	
18	2120317135	53A18	Nguyễn Thị Trà	My	24/06/1997	Quảng Bình	ITA 53A	890K	<i>My</i>	7,5	Bay, Nam	
19	2120654957	53A19	Võ Hồng	Ngân	06/06/1996	Quảng Nam	ITA 53A	1049	<i>Ngan</i>	7,0	Bay, Nam	
20	2120527653	53A20	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	24/07/1997	Quảng Trị	ITA 53A	1210	<i>Ng</i>	10,0	Nam	
21	2110623109	53A21	Đầu Thị Mỹ	Nữ	16/10/1996	Quảng Nam	ITA 53A	478	<i>Ng</i>	5,0	Nam, Khing	
22	2120524752	53A22	Lê Thị Kim	Oanh	17/09/1997	Gia Lai	ITA 53A	830	<i>Ng</i>	9,5	Chin, Nam	
23	2120867339	53A23	Tường Thanh	Phương	26/03/1997	Quảng Nam	ITA 53A	843	<i>Ng</i>	10,0	Nam	
24	2120866196	53A24	Đỗ Thị Trúc	Quỳnh	20/06/1997	Bình Định	ITA 53A	1021	<i>Quynh</i>	8,0	Tam, Khing	
25	2120866790	53A25	Hoàng Lê	Quỳnh	15/09/1997	Quảng Ngãi	ITA 53A	1187	<i>Quynh</i>	9,0	Chin, Khing	
26	2121869464	53A26	Lương Thế	Son	20/10/1995	Đà Nẵng	ITA 53A	1211	<i>Quynh</i>	8,0	Tam, Khing	

STT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
27	2121868219	53A27	Nguyễn Nhật Tân	Tân	20/08/1996	Quảng Nam	ITA.53A	1210		8,5	Tân, nam	
28	2120869331	53A28	Hồ Thị Thu Thảo	Thảo	25/02/1997	Kon Tum	ITA.53A	807		8,5	Thảo, nam	
29	2120526685	53A29	Mai Thị Thảo	Thảo	25/06/1996	Quảng Trị	ITA.53A	952		9,0	Thảo, không	
30	2120524775	53A30	Phan Hoàng Phương Thảo	Thảo	09/09/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A	881		7,0	Thảo, không	
31	2120866221	53A31	Đỗ Hoài Thi	Thi	17/06/1997	Quảng Ngãi	ITA.53A	829		7,5	Thi, nam	
32	2121658554	53A32	Nguyễn Đoàn Minh Thiên	Thiên	20/01/1997	Quảng Nam	ITA.53A	903		6,0	Thiên, không	
33	2110623107	53A33	Đầu Thị Mỹ Tiên	Tiên	16/10/1996	Quảng Nam	ITA.53A	952		6,0	Tiên, không	
34	1921179593	53A34	Nguyễn Chánh Tín	Tín	19/10/1995	Đà Nẵng	ITA.53A	978		7,0	Tín, không	
35	2121524670	53A35	Võ Cảnh Toàn	Toàn	10/08/1997	Bình Định	ITA.53A	791		9,5	Toàn, nam	
36	2120518102	53A36	Trần Thị Tuyết Trinh	Trinh	17/10/1997	Kon Tum	ITA.53A	914		9,0	Trinh, không	
37	2120646494	53A37	Phạm Thị Thanh Truyền	Truyền	12/02/1997	Quảng Nam	ITA.53A	862		5,5	Truyền, nam	
38	2121659506	53A38	Võ Ngọc Tú	Tú	11/11/1996	Quảng Nam	ITA.53A	607		7,5	Tú, nam	
39	2120654955	53A39	Võ Thị Tuyết Vân	Vân	12/01/1997	Đà Nẵng	ITA.53A	901		8,0	Vân, không	
40	2120713494	53A40	Nguyễn Thị Tuyết Vy	Vy	10/12/1997	Quảng Nam	ITA.53A	898		6,5	Vy, nam	

Tổng số HV/Dự thi: 28...

Vắng: CM...

Cám thi: CM...

Không đủ điều kiện dự thi: ...